

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên ngành đào tạo: Luật (Laws)

Hướng chuyên sâu 1: Luật kinh tế (Economic Laws)

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7380101

Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tổng số tín chỉ yêu cầu: 135 tín chỉ

Tên văn bằng: Luật

Nơi cấp bằng: Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*(Ban hành tại quyết định số 4151 ngày 14 tháng 8 năm 2024
của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)*

1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra:

1.1 Mục tiêu chương trình

Mục tiêu chung: Chương trình đào tạo ngành Luật (chuyên ngành Luật Kinh tế) đào tạo cử nhân nắm vững nguyên lý, quy luật khoa học pháp lý, có kiến thức chuyên môn ngành Luật và kiến thức chuyên sâu về luật kinh tế; thực hiện thành thạo kỹ năng nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực luật nói chung, luật kinh tế nói riêng; có phẩm chất chính trị, ý thức tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề luật để bảo vệ công lý, phục vụ Nhân dân và xây dựng Tổ quốc.

Mục tiêu cụ thể:

Người học sau khi tốt nghiệp ngành Luật sẽ:

- MT1: Có hiểu biết cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội làm nền tảng cho nghiên cứu và áp dụng pháp luật; có kiến thức cơ sở về Nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên sâu về luật kinh tế để áp dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn;

- MT2: Có kỹ năng tư duy pháp lý và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể vận dụng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp lý như giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn hoặc bảo vệ pháp luật.

- MT3: Có phẩm chất chính trị, đạo đức; có tâm huyết với nghề nghiệp, xây dựng và bảo vệ pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng và phụng sự Tổ quốc.

1.2 Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Kiến thức chung	
CĐR1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật	1.1. Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, sinh thái và môi trường trong lĩnh vực luật.
	1.2. Áp dụng kiến thức kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật trong lĩnh vực luật.
	1.3. Áp dụng sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật
Kiến thức chuyên môn	
CĐR 2: Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản để phục vụ hoạt động nghề nghiệp.	2.1. Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật quốc gia thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản.
	2.2. Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật quốc tế.
CĐR 3. Đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế.	3.1. Đề xuất giải pháp đối với các tình huống pháp lý trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại trên cơ sở các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.

<p style="text-align: center;">Chuẩn đầu ra</p> <p>Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:</p>	<p style="text-align: center;">Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo</p>
	<p>3.2. Đề xuất giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại trên cơ sở các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực pháp luật kinh tế.</p>
<p>Kỹ năng chung</p>	
<p>CDR 4: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực luật</p>	<p>4.1. Ứng xử phù hợp với các bên có liên quan trong môi trường làm việc chuyên nghiệp đa văn hóa, đa ngôn ngữ.</p> <p>4.2. Sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và các thiết bị đa phương tiện trong công việc chuyên môn.</p> <p>4.3. Sử dụng tiếng Anh đạt trình độ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.</p>
<p>CDR 5: Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào các lĩnh vực chuyên biệt của ngành luật</p>	<p>5.1. Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để tư vấn đối với các vấn đề pháp lý cụ thể</p> <p>5.2. Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm để ra quyết định đối với các vấn đề pháp lý cụ thể</p>
<p>Kỹ năng chuyên môn</p>	
<p>CDR 6: Thực hiện thành thạo kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý</p>	<p>6.1. Thực hiện thành thạo kỹ năng tìm kiếm, phân tích, đánh giá các văn bản pháp luật để áp dụng vấn đề cụ thể trong thực tiễn.</p> <p>6.2. Thực hiện thành thạo kỹ năng phân tích tình huống pháp lý thực tiễn, xây dựng lập luận để giải quyết vấn đề pháp lý chuyên môn.</p>
<p>CDR 7: Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của pháp luật trong mối liên hệ giữa pháp luật và thực tiễn</p>	<p>7.1. Phát hiện các vấn đề pháp lý có sự xung đột giữa lý luận và thực tiễn.</p>

Chuẩn đầu ra Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên có thể:	Chỉ báo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
	7.2. So sánh và giải quyết vấn đề nhằm đề ra giải pháp để đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý của pháp luật.
CĐR 8: Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản liên quan trong lĩnh vực pháp lý.	8.1. Thực hiện thành thạo kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính có tính pháp lý phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp. 8.2. Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán, soạn thảo các loại hợp đồng phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CĐR 9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.	9.1. Thể hiện thói quen tự học, tự nghiên cứu, nâng cao trình độ chuyên môn. 9.2. Đề xuất các ý tưởng khởi nghiệp.
CĐR 10: Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ luật pháp	10.1. Thể hiện sự tôn trọng đạo đức nghề nghiệp 10.2. Ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý và quyền con người; phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng và phụng sự Tổ quốc

* Ghi chú: Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được đối sánh với các chương trình đào tạo Luật của Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Đôn, Trường đại học Victoria University

2. Cơ hội việc làm và định hướng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- **Lĩnh vực**

- Công việc nghiên cứu liên quan đến Luật
- Công việc tư vấn Luật
- Công việc liên quan đến giảng dạy tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp,...
- Công việc liên quan đến tự vận hành, tổ chức kinh doanh quy mô vừa và nhỏ

- **Vị trí**

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước (các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), trong các tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội, xã hội nghề nghiệp
- Cán bộ, nhân viên trong các doanh nghiệp, trung tâm pháp lý
- Cán bộ, nhân viên trong các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ

- Cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.
- Tự hành nghề luật.

- **Nơi làm việc**

- Các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp,
- Doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ, tổ chức xã hội
- Các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp

- **Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp**

- Có thể học lên bậc học Cao học, Tiến sĩ

3. Đối tượng tuyển sinh và Phương thức tuyển sinh:

Ứng viên phải đáp ứng các yêu cầu chung và cụ thể của Học viện để được nhận vào chương trình:

Đối với sinh viên Việt Nam: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Học viện.

Đối với sinh viên quốc tế (nếu có, vd SV Lào, Campuchia...): Theo quy định của Học viện

4. Triết lý giáo dục và Chiến lược dạy và học

- **Triết lý giáo dục**

Khoa Khoa học xã hội, Học viện NNVN không ngừng phấn đấu đóng góp vào sự phát triển chung của Học viện và của ngành Xã hội học với các triết lý giáo dục: Sáng tạo (Creation) và Chuyên nghiệp (Professional)

- **Chiến lược dạy và học**

- Tổ chức các buổi trao đổi, dự giờ và các buổi xemina để trao đổi học thuật về nội dung và đổi mới phương pháp giảng dạy giúp phát huy tính tích cực của người học, tạo động lực để cuốn hút người học tham gia vào quá trình dạy học.
- Xây dựng đề thi theo hướng kiểm tra năng lực người học.
- Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy chương trình tiên tiến cho sinh viên của Học viện, các giảng viên trong Bộ môn cần được nâng cao trình độ tiếng Anh.
- Thường xuyên cập nhật và bổ sung nội dung cho các bài giảng

5. Phương pháp đánh giá

- Đánh giá đầu vào: Tuyển sinh đầu vào theo quy định hiện hành của Bộ giáo dục và đào tạo và theo quy định của Học viện.

- Đánh giá quá trình: Được thực hiện thông qua đánh giá tại các học phần, đánh giá chuyên cần để đo thái độ, tinh thần học tập của sinh viên; đánh giá bài tập, thảo luận, thực hành nghề nghiệp ở các cơ sở, doanh nghiệp và địa phương; đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ.

- Đánh giá đầu ra: Sinh viên bắt buộc phải thực hiện đề tài khóa luận tốt nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên bắt buộc phải tham gia và đạt yêu cầu ở kỳ thi chuẩn đầu ra tiếng Anh, Kỹ năng mềm,.. theo quy định của Học viện.

6. Thang điểm, quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp:

Thang điểm 10 đối với các học phần, sau đó qui đổi thành thang điểm 4

Thang điểm quy đổi đối với học phần:

TT	Thang điểm 10	Thang điểm 4		Đạt/ không đạt	Xếp loại kết quả học tập
		Điểm chữ	Điểm số		
1	Từ 8,5 – 10	A	4,0	Đạt	Giỏi
2	Từ 8,0 – 8,4	B+	3,5	Đạt	Khá
3	Từ 7,0 – 7,9	B	3,0	Đạt	Khá
4	Từ 6,5 – 6,9	C+	2,5	Đạt	Trung bình
5	Từ 5,5 – 6,4	C	2,0	Đạt	Trung bình
6	Từ 5,0 – 5,4	D+	1,5	Đạt	Trung bình kém
7	Từ 4,0 – 4,9	D	1,0	Đạt	Trung bình kém
8	Dưới 4,0	F	0	Không đạt	Kém

Thang điểm xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học như sau:

TT	Điểm trung bình chung tích lũy	Xếp hạng tốt nghiệp
1	3,60 – 4,00	Xuất sắc
2	3,20 - 3,59	Giỏi
3	2,50 - 3,19	Khá
4	2,00 - 2,49	Trung bình
5	< 2,00	Không đạt

Quy trình đào tạo: Sinh viên tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT với 71 tín chỉ đại cương, 7 tín chỉ cơ sở ngành, 85 tín chỉ chuyên ngành (120 tín chỉ bắt buộc, 33 tín chỉ tự chọn (sinh viên chọn học 15/33 tín chỉ tự chọn)). Sinh viên hoàn thành chứng chỉ với 3 tín chỉ giáo dục thể chất, 11 tín chỉ giáo dục quốc phòng, 6 tín chỉ kỹ năng mềm và 4 tín chỉ tin học. Các học phần được sắp xếp trong 8 học kì, tương đương 4 năm.

Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp khi tích lũy đủ 135 tín chỉ của CTĐT; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên; tiếng Anh tối thiểu đạt B1 theo khung tham chiếu chung châu Âu hoặc tương đương; có chứng chỉ giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh (điểm của học phần về thể chất và giáo dục quốc phòng không tính vào điểm tích lũy chung); có chứng chỉ kỹ năng mềm; hoàn thành bản thanh toán ra trường và nghĩa vụ lao động sinh viên; có đơn gửi Ban Quản lý đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hơn hoặc muộn hơn so với thời gian thiết kế của khóa học.

(Theo quy chế đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 2021/QĐ-HVN, ngày 29 tháng 4 năm 2021: <https://file.vnua.edu.vn/data/0/documents/2021/11/30/host/qd2021-29-04-2021.pdf>)

7. Cấu trúc và nội dung chương trình:

Khối kiến thức	Luật	
	Tổng số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Đại cương	71	43,56
Cơ sở ngành	7	4,29
Chuyên ngành	85	52,15
Tổng số tín chỉ bắt buộc	120	88,89
Tổng số tín chỉ tự chọn	15/43	11,11
Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo	135	

Cấu trúc chương trình

CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH NGÀNH LUẬT			
ĐẠI CƯƠNG	CƠ SỞ NGÀNH	CHUYÊN NGÀNH	CỬ NHÂN NGÀNH LUẬT (135 TC)
Đại cương bắt buộc (56TC):	Cơ sở ngành bắt buộc (7TC):	Chuyên ngành bắt buộc (57TC):	ĐIỀU KIỆN KHÁC:
<ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh(4TC) 2. Xã hội học đại cương(3TC) 3. Thương mại và hội nhập quốc tế(3TC) 4. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng(3TC) 5. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số(4TC) 6. Nông nghiệp hiện đại(4TC) 7. Sinh thái môi trường(4TC) 8. Triết học Mác - Lê Nin(3TC) 9. Nguyên lý kinh tế(3TC) 10. Nguyên lý kế toán(3TC) 11. Chính sách xã hội(3TC) 12. Tổ chức và quản lý kinh tế(3TC) 13. Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin(2TC) 14. Tiếng Anh 1(2TC) 15. Nguyên lý thống kê kinh tế(3TC) 16. Tiếng Anh 2(3TC) 17. Chủ nghĩa xã hội khoa học(2TC) 18. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lý luận chung về NN&PL(4TC) 2. Luật Hiến pháp(3TC) 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Hình sự và Tố tụng HS(3TC) 2. Luật Hành chính và Tố tụng HC(3TC) 3. Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự(5TC) 4. Luật Thương mại(5TC) 5. Luật Hôn nhân và gia đình(3TC) 6. Công pháp quốc tế(3TC) 7. Luật Lao động(3TC) 8. Tư pháp quốc tế(3TC) 9. Luật Tài chính(3TC) 10. Luật Đất đai(3TC) 11. Thực tập(10TC) 12. Pháp luật về GQTC trong KDTM(3TC) 13. Khóa luận tốt nghiệp(10TC) 	<p>Giáo dục thể chất (chọn 3 trong các môn sau):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điền kinh - Thể dục Aerobic - Bóng đá - Bóng chuyền - Bóng rổ - Cầu lông - Cờ vua - Khiêu vũ thể thao - Bơi - Golf - Yoga <p>Giáo dục quốc phòng (Bắt buộc):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng - Công tác quốc phòng và an ninh - Quân sự chung - Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật

<p>18. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2TC) 19. Tư tưởng Hồ Chí Minh(2TC)</p>			<p>Kỹ năng mềm (non-credit): chọn 3 trong các môn sau: - Kỹ năng lãnh đạo - Kỹ năng quản lý bản thân - Kỹ năng kiểm kiểm việc làm - Kỹ năng làm việc nhóm - Kỹ năng hội nhập - Kỹ năng bán hàng - Kỹ năng thuyết trình - Kỹ năng làm việc với các bên liên quan Đạt đầu ra tin học Đạt đầu ra tiếng anh</p>
<p>Tự chọn đại cương (15TC)</p>	<p>Tự chọn Cơ sở ngành (0TC)</p>	<p>Tự chọn chuyên ngành (25TC)</p>	
<p>1. Chính sách công(3TC) 2. Công tác xã hội và an sinh xã hội(3TC) 3. Xã hội học chính trị(3TC) 4. Xã hội học phát triển(3TC) 5. Cơ sở văn hóa Việt Nam(3TC)</p>		<p>1. Luật Sở hữu trí tuệ(3TC) 2. Luật đầu tư(3TC) 3. Đấu thầu và đấu giá(3TC) 4. Luật Môi trường(3TC) 5. Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng(3TC) 6. Luật Kinh doanh BDS(3TC) 7. Luật Thương mại quốc tế (thay thế KLTN)(4TC)</p>	

					8. Luật Chứng khoán (thí thay thế KLTN)(3TC)	
					9. Luật Kinh doanh bảo hiểm (thay thế KLTN)(3TC)	

Nội dung chương trình

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
TỔNG SỐ PHẦN ĐẠI CƯƠNG					71	71	0			
1	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Entrepreneurship and business culture	4	4	0	BB		
2	1	XH93027	Xã hội học đại cương	Introduction to sociology	3	3	0	BB		
3	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	Trade and international integration	3	3	0	BB		
4	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Psychology and public speaking	3	3	0	BB		
5	1	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Information technology and digital transformation	4	4	0	BB		
6	1	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	Modern agriculture	4	4	0	BB		
7	1	TM91012	Sinh thái môi trường	Ecology and environment	4	4	0	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
8	1	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	Philosophy of marxism and leninism	3	3	0	BB		
9	2	KT92025	Nguyên lý kinh tế	Principles of economics	3	3	0	BB		
10	2	KE92001	Nguyên lý kế toán	Principes of accounting	3	3	0	BB		
11	2	XH93077	Chính sách xã hội	Social policies	3	3	0	BB		
12	2	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	Economic organization and management	3	3	0	BB		
13	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Political economy of marxism and leninism	2	2	0	BB		
14	2	DN91034	Tiếng Anh 1	English 1	2	2	0	BB		
15	2	KT92104	Nguyên lý thống kê	Principles of statistics	3	3	0	BB		
16	2	DN91035	Tiếng Anh 2	English 2	3	3	0	BB		
17	2	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Socialism	2	2	0	BB		
18	3	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	The history of vietnamese communist party	2	2	0	BB		
19	3	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho chi minh idcology	2	2	0	BB		
20	3	KT93044	Chính sách công	Public policies	3	3	0	TC		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
21	3	XH94029	Công tác xã hội và an sinh xã hội	Social work and social security	3	3	0	TC		
22	4	XH94031	Xã hội học chính trị	Sociology of politics	3	3	0	TC		
23	4	XH94035	Xã hội học phát triển	Sociology of development	3	3	0	TC		
24	4	XH94028	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnamese culture	3	3	0	TC		
Tổng số phần cơ sở ngành					7	7	0			
1	1	XH94019	Lý luận chung về NN&PL	General theory of state and law	4	4	0	BB		
2	1	XH94008	Luật Hiến pháp	Institutional laws	3	3	0	BB		
Tổng số phần chuyên ngành					85	65	20			
1	2	XH94009	Luật Hình sự và Tố tụng HS	Criminal law and criminal procedures	3	3	0	BB		
2	2	XH94078	Luật Hành chính và Tố tụng HC	Administrative law and administrative litigation	3	3	0	BB		
3	2	XH94005	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	Civil law and civil procedures	5	5	0	BB		
4	3	XH94015	Luật Thương mại	Commercial law	5	5	0	BB		
5	3	XH94010	Luật Hôn nhân và gia đình	Law on marriage and family	3	3	0	BB		
6	3	XH94002	Công pháp quốc tế	Public international law	3	3	0	BB		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
7	3	XH94013	Luật Sở hữu trí tuệ	Intellectual property law	3	3	0	TC		
8	3	XH94007	Luật đầu tư	Law on investment	3	3	0	TC		
9	3	KT94002	Đấu thầu	Project bidding	3	3	0	TC		
10	3	XH94048	Luật Lao động	Labor law	3	3	0	BB		
11	3	XH94017	Tư pháp quốc tế	International private law	3	3	0	BB		
12	3	XH94014	Luật Tài chính	Financial law	3	3	0	BB		
13	3	XH94006	Luật Đất đai	Land law	3	3	0	BB		
14	3	XH94012	Luật Môi trường	Environmental law	3	3	0	TC		
15	3	XH94003	Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	Law on competition and consumer protection	3	3	0	TC		
16	4	XH94371	Thực tập ngành Luật	Internship in laws	10	0	10	BB		
17	4	XH94018	Pháp luật về GQTC trong KDTM	Law on settlement of business-related disputes	3	3	0	BB		
18	4	XH94079	Luật Kinh doanh BĐS	Law on real estate business	3	3	0	TC		
19	4	XH94492	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	10	0	10	BB		
20	4	XH94016	Luật Thương mại quốc tế (thi tốt nghiệp thay thế)	International trade and business law	4	4	0	TC		

STT	Năm	Mã học phần	Tên học phần	Tên tiếng Anh	Chuyên sâu 1				Học phần tiên quyết (chữ đậm)/ Học phần song hành	Mã học phần tiên quyết (chữ đậm)/ học phần song hành
					Tổng số tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC		
21	4	XH94004	Luật Chứng khoán (thi tốt nghiệp thay thế)	Securities law	3	3	0	TC		
22	4	XH94011	Luật Kinh doanh bảo hiểm (thi tốt nghiệp thay thế)	Law on insurance business	3	3	0	TC		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần kỹ năng mềm**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/TC
KN01002	Kỹ năng lãnh đạo	2	TC
KN01003	Kỹ năng quản lý bản thân	2	TC
KN01004	Kỹ năng tìm kiếm việc làm	2	TC
KN01005	Kỹ năng làm việc nhóm	2	TC
KN01006	Kỹ năng hội nhập	2	TC
KN01008	Kỹ năng bán hàng	2	TC
KN01009	Kỹ năng thuyết trình	2	TC
KN01010	Kỹ năng làm việc với các bên liên quan	2	TC

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Giáo dục thể chất và quốc phòng**

Nhóm học phần	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã HP tiên quyết	BB/TC	
Giáo dục thể chất	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1		BB	
	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	3		BB	
	Giáo dục quốc phòng	QS01011	Đường lối quốc phòng và an ninh của ĐCS VN	3		BB
		QS01012	Công tác quốc phòng và an ninh	2		BB
		QS01013	Quân sự chung	2		BB

	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4		BB
Tổng số			14		

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

*** Học phần tin học**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	BB/ TC
TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	BB

Ghi chú: BB = bắt buộc; TC = tự chọn

8. Kế hoạch học tập (dự kiến)

Năm thứ 1

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
1	XH94019	Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật	4	4	0	BB	
1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	4	4	0	BB	
1	XH93027	Xã hội học đại cương	3	3	0	BB	
1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế	3	3	0	BB	
1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	3	3	0	BB	
1	DN91033	Tiếng Anh bổ trợ	1	1	0	PCBB	
1	GT01016	Giáo dục thể chất đại cương	1	0	1	PCBB	
2	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	4	4	0	BB	
2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại	4	4	0	BB	
2	TM91012	Sinh thái môi trường	4	4	0	BB	
2	XH94008	Luật Hiến pháp	3	3	0	BB	
2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin	3	3	0	BB	
2	DN91039	Tiếng Anh 0	2	2	0	PCBB	
2	GT01014/ GT01015/ GT01017/ GT01018/ GT01019/ GT01020/ GT01021/ GT01022/ GT01023/ GT01024/ GT01025	Giáo dục thể chất (Chọn 3 trong 11 HP: Điền kinh, Thể dục Aerobic, Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông, Cờ vua, Khiêu vũ thể thao, Bơi, Golf, Yoga)	3	0	3	PCBB	
2	KN01002 KN01003 KN01004 KN01005 KN01006 KN01008 KN01009 KN01010	Kỹ năng mềm: 90 tiết (Chọn 3 học phần, mỗi học phần 30 tiết: Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng quản lý bản thân, Kỹ năng tìm kiếm việc làm, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng hội nhập, Kỹ năng bán hàng, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng làm việc với các bên liên quan)	6	6	0	PCBB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			35	35	0		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			4	0	4		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			4	4	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			6	6	0		

Năm thứ 2

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
3	KT92025	Nguyên lý kinh tế	3	3	0	BB	
3	KE92001	Nguyên lý kế toán	3	3	0	BB	
3	XH93077	Chính sách xã hội	3	3	0	BB	
3	XH94009	Luật Hình sự và Tố tụng HS	3	3	0	BB	
3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế	3	3	0	BB	
3	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	2	2	0	BB	
3	DN91034	Tiếng Anh 1	2	2	0	BB	
3	QS01011	Đường lối quân sự của Đảng	3	3	0	PCBB	
3	QS01012	Công tác quốc phòng - An ninh	2	2	0	PCBB	
4	KT92104	Nguyên lý thống kê	3	3	0	BB	
4	DN91035	Tiếng Anh 2	3	3	0	BB	
4	QS01013	Quân sự chung	2	1	1	PCBB	
4	QS01014	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh & CT	4	0	4	PCBB	
4	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	BB	
4	XH94078	Luật Hành chính và Tố tụng HC	3	3	0	BB	
4	XH94005	Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự	5	5	0	BB	
Tổng số tín chỉ học phần bắt buộc			35	35	0		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn			0	0	0		
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			11	6	5		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0	0	0		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0	0	0		

Năm thứ 3

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
5	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	2	0	BB	
5	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	BB	
5	XH94015	Luật Thương mại	5	5	0	BB	
5	XH94010	Luật Hôn nhân và gia đình	3	3	0	BB	
5	XH94002	Công pháp quốc tế	3	3	0	BB	
5	XH94013	Luật Sở hữu trí tuệ	3	3	0	TC	
5	XH94007	Luật đầu tư	3	3	0	TC	
5	KT94002	Đầu thầu	3	3	0	TC	
6	XH94048	Luật Lao động	3	3	0	BB	
6	XH94017	Tư pháp quốc tế	3	3	0	BB	
6	XH94014	Luật Tài chính	3	3	0	BB	
6	XH94006	Luật Đất đai	3	3	0	BB	
6	XH94012	Luật Môi trường	3	3	0	TC	
6	XH94003	Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	3	3	0	TC	
6	KT93044	Chính sách công	3	3	0	TC	
6	XH94029	Công tác xã hội và an sinh xã hội	3	3	0	TC	
Tổng số tín chỉ học phần			48	48	0		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu 12 TC)			21	21	0		
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0	0	0		

Năm thứ 4

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Chuyên sâu 1				Mã học phần tiên quyết
			Tổng số TC	Lý thuyết	Thực hành	BB/TC	
7	XH94371	Thực tập	10	0	10	BB	
7	XH94018	Pháp luật về Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại	3	0	0	BB	
7	XH94079	Luật Kinh doanh BĐS	3	3	0	TC	
7	XH94031	Xã hội học chính trị	3	3	0	TC	
7	XH94035	Xã hội học phát triển	3	3	0	TC	
7	XH94028	Cơ sở văn hoá Việt Nam	3	3	0	TC	
8	XH94492	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	10	BB	
8	XH94016	Luật Thương mại quốc tế	4	4	0	TC	
8	XH94004	Luật Chứng khoán	3	3	0	TC	
8	XH94011	Luật Kinh doanh bảo hiểm	3	3	0	TC	
Tổng số tín chỉ học phần			45	25	20		
Tổng số tín chỉ học phần tự chọn (tự chọn tối thiểu 3 TC, 10 TC thay thế KLTN)			22	22	0		
Tổng số tín chỉ giáo dục thể chất, quốc phòng			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần tin học			0	0	0		
Tổng số tín chỉ học phần kỹ năng mềm			0	0	0		

Lưu ý:

- Điều kiện sinh viên ngành Luật được làm Khóa luận tốt nghiệp theo quy định của Học viện, đồng thời điểm TBCTL tại thời điểm giao KLTN phải từ 2.80 trở lên.

- Những sinh viên có điểm TBCTL dưới 2.80 sẽ học các học phần thay thế Khóa luận với 3 học phần gồm: Luật Thương mại quốc tế (4 TC), Luật Chứng khoán (3 TC), Luật Kinh doanh bảo hiểm (3TC).

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Các học phần đại cương

XH91075. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (The history of Vietnamese communist party) (2TC: 2-0-6). Học phần này gồm: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và

phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945). Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975). Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Kết luận về những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

XH09176. Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology) (2TC: 2-0-6). Nội dung học phần là tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Học phần gồm 6 chương.

XH91047. Triết học Mác – Lê nin (Philosophy of Marxism and Leninism) (3TC: 3-0-9). Học phần gồm 3 chương giúp sinh viên hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác - Lênin, xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật. Nội dung bao gồm: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống; chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng; chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.

XH91061. Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Marxist- Leninist Political Economy) (2-0-6). Học phần gồm 6 chương, trình bày các vấn đề: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể; Giá trị thặng dư; Cạnh tranh và độc quyền; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

XH91062. Chủ nghĩa xã hội khoa học (Socialism) (2TC: 2-0-6). Học phần này gồm 07 chương: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

DN91027. Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng (Psychology and Public Speaking) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm kiến thức: Giới thiệu về tâm lý con người, Hoạt động nhận thức, Xúc cảm, động cơ và rối nhiễu tâm lý, Nhân cách; Khái quát về giao tiếp của con người; Các kỹ năng giao tiếp trước công chúng; Ứng dụng kỹ năng giao tiếp trong tuyển dụng; Những vấn đề cơ bản khi diễn thuyết trước công chúng, Chuẩn bị bài diễn thuyết, Ứng dụng diễn thuyết cho các hoạt động nghề nghiệp.

KE91028. Khởi nghiệp và Văn hoá kinh doanh (Entrepreneurship and Business Culture) (4TC: 4-0-12). Học phần này bao gồm 02 phần và 10 chương. Phần 1- Kiến thức chung về khởi nghiệp (KN) và văn hóa kinh doanh (VHKD) (7 chương): Giới thiệu chung về khởi nghiệp và VHKD; Ý tưởng KN; Mô hình kinh doanh trong KN; Gọi vốn KN; Văn hóa kinh doanh; Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; Văn hóa doanh nghiệp. Phần 2- KN trong nông nghiệp (3 chương): Mô hình KN nông nghiệp trong nông nghiệp; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ sinh học; Mô hình KN trong lĩnh vực công nghệ thực phẩm.

KT91043. Tổ chức và quản lý kinh tế (Economic organization and management) (3TC: 3-0-9). Học phần này gồm những nội dung chính: Kiến thức và tư duy về kinh tế thị trường; Ra quyết định trong sản xuất kinh doanh; Tổ chức nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh; Kế hoạch sản xuất, kinh doanh; Điều hành, quản lý các nguồn lực và quá trình sản xuất, kinh doanh; Marketing sản phẩm và dịch vụ; Giám sát, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

KE91063. Thương mại và hội nhập quốc tế (Trade and International Integration) (3TC: 3-0-9). Hội nhập quốc tế; Thương mại quốc tế trong thời kỳ hội nhập; Hệ thống Thương mại quốc tế; Hoạch định và cơ cấu tổ chức kinh doanh quốc tế; Thâm nhập thị trường quốc tế; Tài chính cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất nông sản cho thương mại và hội nhập quốc tế; Sản xuất thực phẩm cho thương mại và hội nhập quốc tế.

NH91046. Nông nghiệp hiện đại (Modern agriculture) (4TC: 4-0-12). Mô tả vắn tắt nội dung: học phần gồm 6 chương: (1) Giới thiệu về nông nghiệp hiện đại; (2) Các yếu tố tác động đến nông nghiệp hiện đại; (3) Máy và thiết bị trong nông nghiệp hiện đại; (4) Mô

hình trồng trọt trong nông nghiệp hiện đại; (5) Mô hình chăn nuôi trong nông nghiệp hiện đại; (6) Mô hình ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp hiện đại.

TM91012. Sinh thái môi trường (Ecology and Environment) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm 3 khối kiến thức (1) Sinh thái học: Khái niệm về sinh thái học; Sinh thái học cá thể, quần thể, quần xã và hệ sinh thái; Các hệ sinh thái chính; (2) Khoa học môi trường: Khái niệm về môi trường và tài nguyên; Môi trường và phát triển bền vững; Tài nguyên và môi trường nước, đất, không khí, rừng và sinh vật; (3) Ứng dụng sinh thái học và khoa học môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

TH91084. Công nghệ thông tin và chuyển đổi số (Information technology and digital transformation) (4TC: 4-0-12). Học phần này gồm các nội dung: Hệ thống thông tin, phần cứng, phần mềm, mạng, dữ liệu, an toàn bảo mật thông tin điện tử, các công nghệ tiên tiến và ứng dụng. Chuyển đổi số và ứng dụng của chuyển đổi số trong quản lý, trồng trọt, chăn nuôi và tài nguyên môi trường. Phần bài tập rèn kỹ năng làm việc tương tác trực tuyến với bộ công cụ phần mềm Office 365.

DN91034. Tiếng Anh 1 (English 1) (2TC: 2-0-6). Brief description of the course: This course consists of 4 units at pre-intermediate level about the four topics including The past (Unit 1), Out and about (Unit 2), Work (Unit 3), Travellers (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different activities.

DN91035 – Name: English 2 (Total credits 03; lecture: 03 - practice : 0 - self-study: 09).

Brief description of the course: This course consists of 4 units at level B1- about the topics including People (Unit 1), Tale Tellers (Unit 2), Questions (Unit 3), Winners (Unit 4). In each unit, English grammar, vocabulary, and skills are provided and practiced by students through different sections: Grammar/Function; Vocabulary; Pronunciation; Speaking; Reading; Listening/video; Writing.

XH93027 - Xã hội học Đại cương (Introduction to sociology).(3TC: 3 –0 – 9).

Học phần này gồm: Quá trình hình thành và phát triển của xã hội học; Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của xã hội học; Cơ cấu xã hội; Hành động xã hội và tương tác xã hội; Vị

thế và vai trò xã hội; Nhóm xã hội và thiết chế xã hội; Văn hóa và xã hội hóa. Đồng thời học phần giúp sinh viên hiểu vận dụng và phân tích trong các vấn đề cụ thể của xã hội học.

KT02003. Nguyên lý kinh tế (Principles of Economics). (3TC: 3 - 0 - 9).

Học phần bao gồm những nguyên lý cơ bản của Kinh tế học, đó là 3 phần chính: (1) Những vấn đề chung về kinh tế học, (2) Những nguyên lý cơ bản về kinh tế vi mô, (3) Những nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô và các chính sách của chính phủ.

KE92001 – Nguyên lý kế toán (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 9).

Học phần này gồm có 06 chương và gồm các nội dung: Những vấn đề chung của kế toán, Bản chất và nguyên tắc của kế toán; Phương pháp tài khoản và ghi sổ kép; Phương pháp chứng từ và kiểm kê; Phương pháp tính giá; Báo cáo tài chính.

XH93077. Chính sách xã hội (3TC: 3 – 0 – 9). Các vấn đề cơ bản về chính sách xã hội, hoạch định – tổ chức – phân tích chính sách xã hội, chính sách dân số - việc làm – giáo dục và đào tạo, chính sách xã hội đối với phụ nữ - văn hóa – dân tộc, chính sách về phân phối thu nhập – phòng chống tệ nạn xã hội.

KT92104. Nguyên lý thống kê (Principles of Statistics) (3TC: 3-0-9): Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về lý thuyết thống kê, ứng dụng kiến thức thống kê trong việc thu thập tài liệu thứ cấp và số liệu sơ cấp; tổng hợp và trình bày dữ liệu; sử dụng thống kê suy luận để rút ra kết luận cho tổng thể; ứng dụng những kiến thức của thống kê trong tính toán và phân tích các chỉ tiêu kinh tế xã hội; sử dụng phân tích tương quan trong kinh tế và xã hội.

KT93044. Chính sách công (03: 03-0-09).

Học phần này gồm những nội dung: những vấn đề cơ bản của chính sách công, quá trình hoạch định và thực thi chính sách, phân tích chính sách công với các nhóm chính sách chính bao gồm: Chính sách kinh tế; Chính sách chi tiêu công; Chính sách xã hội; Chính sách tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

XH94029 - Công tác xã hội và an sinh XH (03TC: 3-0-9).

Học phần này gồm: Sơ lược về sự hình thành và phát triển của Công tác xã hội và an sinh xã hội; Một số lĩnh vực của công tác xã hội và an sinh xã hội; Phương pháp kỹ năng thực hành công tác xã hội; Hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam

XH94031 - Xã hội học Chính trị (03TC: 3-0-9).

Học phần này gồm: Một số khái niệm cơ bản và đối tượng nghiên cứu, sự hình thành phát triển của xã hội học chính trị; Các khuynh hướng lý thuyết của xã hội học chính trị; Xã hội hóa chính trị và sự tham gia chính trị, đảng chính trị và nhóm lợi ích; Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN và xã hội dân sự ở Việt Nam hiện nay.

XH94035 - Xã hội học phát triển (3TC : 3- 0 - 9).

Học phần này gồm: Tổng quan về xã hội học phát triển; Một số lý thuyết xã hội học phát triển; Một số chủ đề nghiên cứu của xã hội học phát triển, Hạn chế của hệ tư tưởng truyền thống trong quá trình phát triển ở Việt Nam, Xã hội cộng đồng và con người Phương Đông, hệ giá trị gia đình, Tổ chức và điều hành xã hội, văn hóa và phát triển

XH94028. Cơ sở văn hóa Việt Nam (Vietnamese culture) (3TC: 3-0-9). Văn hóa học và văn hóa Việt Nam; Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam; Không gian văn hóa Việt Nam; Văn hóa tổ chức đời sống tập thể; Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân; Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên.

9.2. Các học phần cơ sở ngành

XH94019. Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật (4 TC: 4-0-12). Học phần này gồm: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu của Lý luận Nhà nước và Pháp luật; Lý luận về nhà nước; Lý luận về pháp luật; Nhà nước pháp quyền; Quy phạm pháp luật; Quan hệ pháp luật; Thực hiện pháp luật và giải thích pháp luật; Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý; Ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý.

XH94008. Luật Hiến pháp (Institutional laws) (3 TC:3-0-9). Học phần được chia thành 5 nội dung chính như sau: Những vấn đề cơ bản về Hiến pháp và Luật Hiến pháp; Chế độ chính trị; Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; Chế độ bầu cử; Bộ máy nhà nước Cộng hoà XHCN Việt Nam.

9.3. Các học phần chuyên sâu

XH94009 - Luật Hình sự và Tố tụng hình sự Tổng số tín chỉ 03 : Tổng số tín chỉ lý thuyết 03– Tổng số tín chỉ thực hành 00 – Tổng số tín chỉ tự học 09).

Mô tả vắn tắt nội dung: Môn học luật Hình sự và Tố tụng hình sự là môn khoa học pháp lý cung cấp những kiến thức lý luận và thực tiễn về TTHS và khả năng áp dụng trong thực tế. Môn học này gồm hai nội dung cơ bản: Những vấn đề về Luật hình sự và những giai đoạn tố tụng cụ thể trong trình tự tố tụng giải quyết vụ án hình sự.

Môn học luật Hình sự và Tố tụng hình sự nghiên cứu các quy định của pháp luật và những quan điểm khoa học về tố tụng hình sự, về trình tự, thủ tục khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và một số quy định về thi hành bản án, quyết định của Tòa án; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ giữa các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng, của các cơ quan, tổ chức và cá nhân trong tố tụng hình sự; vấn đề hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự.

XH94078-Luật hành chính và tố tụng hành chính (Administrative law) (3 TC: 3-0-6). Học phần này bao gồm các nội dung: Ngành Luật Hành chính Việt Nam; Các nguyên tắc cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước; Hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước; Thủ tục hành chính; Vi phạm hành chính và trách nhiệm hành chính; Các biện pháp cưỡng chế hành chính; Các biện pháp pháp lý đảm bảo cưỡng chế trong quản lý hành chính nhà nước; Tố tụng hành chính.

XH94005- Luật Dân sự và Tố tụng Dân sự (Civil law and civil procedure law) (5 TC: 5-0-15).

Học phần gồm 12 chương: Khái quát chung về Luật Dân sự Việt Nam; Chủ thể của quan hệ pháp luật dân sự; Tài sản, quyền sở hữu tài sản và quyền khác đối với tài sản; Pháp luật về thừa kế; Pháp luật về nghĩa vụ dân sự; Quy định chung về hợp đồng dân sự; Một số hợp đồng dân sự thông dụng cụ thể; Quy định chung về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong một số trường hợp cụ thể.

Tố tụng Dân sự: Nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự; Chủ thể tham gia quan hệ tố tụng dân sự; Trình tự, thủ tục giải quyết vụ việc dân sự; Trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự.

XH94015. Luật thương mại (COMMERCIAL LAW) (5TC:5-0-15).

Giới thiệu về Luật Thương mại, thương nhân và một số thương nhân đặc thù; pháp luật về công ty, pháp luật về thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể, phá sản doanh nghiệp. cung cấp những kiến thức cơ bản cho người học về các hoạt động thương mại của thương nhân, bao gồm thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, hoạt động trung gian thương mại và xúc tiến thương mại. bao gồm:

- Pháp luật về mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thương mại, các hoạt động trung gian thương mại, xúc tiến thương mại và các hoạt động thương mại khác.
- Những quy định của pháp luật về các loại hợp đồng trong hoạt động thương mại
- Trách nhiệm pháp lý và chế tài thương mại được áp dụng đối với các chủ thể tham gia hoạt động thương mại có hành vi vi phạm.

XH94010 - Luật Hôn nhân và Gia đình (3TC: 3-0-9) Những vấn đề chung về hôn nhân và gia đình; Kết hôn và hủy kết hôn trái pháp luật; Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; Chấm dứt hôn nhân; Pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên khác trong gia đình.

XH94002 – Công pháp quốc tế (Tổng số tín chỉ: 3; Tổng số tín chỉ lý thuyết: 3; Tổng số tín chỉ thực hành: 0; Tổng số tín chỉ tự học: 9).

Mô tả vấn đề nội dung: Học phần này gồm: Khái quát chung về luật quốc tế; Nguồn của luật quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế; Dân cư trong luật quốc tế; Lãnh thổ trong luật quốc tế; Luật ngoại giao và lãnh sự; Giải quyết tranh chấp quốc tế.

XH94013 – Luật Sở hữu trí tuệ (Tổng số tín chỉ 3: Tổng số tín chỉ lý thuyết 3 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 9).

Mô tả vấn đề nội dung: Học phần này gồm: Khái quát về sở hữu trí tuệ; bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan; bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; bảo hộ đối với giống cây trồng; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

KT94002 – Đấu thầu (Tổng số tín chỉ 03: Tổng số tín chỉ lý thuyết 03 – Tổng số tín chỉ thực hành 0 – Tổng số tín chỉ tự học 09).

Học phần này bao gồm: Những vấn đề cơ bản về đấu thầu; Chuẩn bị cho công tác đấu thầu; Tổ chức đấu thầu; Đánh giá và phê duyệt hồ sơ dự thầu; Kết thúc công tác đấu thầu; Tổ chức các loại hình đấu thầu đặc thù.

XH94007. Luật Đầu tư (Law on investment) (3TC:3-0-9).

Học phần Luật Đầu tư giúp sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường, bao gồm: quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư; các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó, các hình thức đầu tư; pháp luật về đầu tư kinh doanh vốn Nhà nước, quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt và những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài

XH94048. Luật lao động (Labor Law) (3 TC:3-0-9). Học phần bao gồm những nội dung chính như sau: Khái quát về Luật Lao động Việt Nam; Hợp đồng lao động; Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động, thương lượng tập thể và thoả ước lao động tập thể; Tiền lương; Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; An toàn lao động, vệ sinh lao động; Bảo hộ lao động; Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; Tranh chấp lao động và giải quyết tranh chấp lao động; Đình công và giải quyết đình công.

XH94017. Tư Pháp Quốc Tế (International Private Law) (3 TC: 3-0-9) Môn khoa học pháp lý chuyên ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản về xung đột pháp luật, giải quyết xung đột pháp luật trong quan hệ dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài, và giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế. Học phần gồm tập trung vào các nội dung về thẩm quyền và thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân & gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có yếu tố nước ngoài; công nhận và cho thi bản án, phán quyết của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài: thủ tục công nhận và cho thi hành, các trường hợp từ chối công nhận và cho thi hành; xác định luật áp dụng đối với các quan hệ dân sự theo nghĩa rộng.

XH94006- Luật Đất đai (Land Law) (3 TC: 3-0-6).

Học phần này gồm có 5 nội dung sau: Một số vấn đề cơ bản về ngành Luật Đất đai; Chế độ quản lý nhà nước đối với đất đai; Chế độ pháp lý các loại đất; Địa vị pháp lý của người sử dụng đất; Thủ tục hành chính trong quản lý và sử dụng đất.

XH94014. Luật Tài chính (Financial Law) (3 TC: 3-0-9) Học phần này gồm có 8 nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về ngân sách nhà nước và pháp luật ngân sách nhà nước; Pháp luật về quá trình ngân sách nhà nước; Pháp luật về thu chi và quản lý quỹ ngân sách nhà nước; Những vấn đề cơ bản về thuế và pháp luật thuế; Pháp luật về thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng; Pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Pháp luật thuế thu nhập; Pháp luật về thuế liên quan đến đất đai và các loại thuế khác

XH94012- Luật Môi trường (Environmental Law) (3 TC: 3-0-9)

Mô tả vấn đề nội dung: Học phần bao gồm các nội dung: Tổng quan về Luật Môi trường; Các công cụ pháp lý kiểm soát ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; Pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường trong một số lĩnh vực cụ thể; Pháp luật về bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên; Giải quyết tranh chấp môi trường; Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

XH94003- Tên học phần: Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng (3 TC: 3-0-9)

Mô tả vấn đề nội dung: Học phần bao gồm 2 phần : Luật Cạnh tranh nghiên cứu các nội dung sau: Những vấn đề lí luận chung về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; Căn cứ xác định hành vi hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh; Pháp luật về kiểm soát lạm dụng vị trí thống lĩnh, vị trí độc quyền; Pháp luật kiểm soát tập trung kinh tế; Pháp luật về cạnh tranh không lành mạnh; Tổ tụng cạnh tranh, chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật cạnh tranh. Luật Bảo vệ người tiêu dùng nghiên cứu các nội dung: Những vấn đề lí luận về bảo vệ NTD và pháp luật bảo vệ NTD; Các thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ NTD ở Việt Nam; Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với NTD; Chế tài xử lí đối với hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ NTD; Phương thức giải quyết tranh chấp giữa NTD với tổ chức, cá nhân kinh doanh.

ML03056. Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại (3 TC:0-3-9) Giới thiệu tranh chấp thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại; Pháp luật về hòa giải giải quyết tranh chấp thương mại; Pháp luật về về trọng tài giải quyết tranh chấp thương mại; Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại;.

XH94371 - Thực tập ngành Luật Kinh tế (10 TC: 0-10-30): Học phần này gồm các nội dung chính như sau: Định hướng mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp tiến hành

thực tập; Liên hệ đơn vị thực tập và xác định chủ đề thực tập; Xây dựng đề cương và kế hoạch thực tập tương ứng với chủ đề thực tập; Đi thực tập tại đơn vị thực tập, thực hành công việc, viết và trình bày kết quả thực tập.

XH94079. Luật Kinh doanh bất động sản (Law on real estate business) (2 TC: 2-0-4).

Học phần này bao gồm các nội dung: Tổng quan về bất động sản và pháp luật kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản; Pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản; quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản.

XH94492- Khóa luận tốt nghiệp (Tổng số tín chỉ 10, Tổng số tín chỉ lý thuyết: 0 – Tổng số tín chỉ thực hành: 10); Tổng số tín chỉ tự học: 30.

Học phần này gồm: Xác định tên đề tài, xây dựng đề cương nghiên cứu, tiến hành thu thập thông tin, phân tích, xử lý thông tin, viết và trình bày báo cáo khóa luận.

XH94016. Luật Thương mại Quốc tế (International Trade and Business Law) (4 TC:4-0-12). Học phần luật thương mại quốc tế cung cấp những kiến thức cơ bản về pháp luật thương mại quốc tế. Học phần bao gồm 2 phần chính: Luật thương mại quốc tế giữa các quốc gia và luật thương mại quốc tế giữa các thương nhân, với nội dung chính: Khái niệm giao dịch thương mại quốc tế và luật thương mại quốc tế; Các nguyên tắc cơ bản của WTO và ngoại lệ; Thương mại hàng hoá và các hiệp định của WTO; Thương mại dịch vụ và GATS; Quyền sở hữu trí tuệ và Hiệp định TRIPs; Cơ chế giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ WTO; Pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế; Pháp luật về thanh toán quốc tế; Giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế giữa các thương nhân.

XH94004. Luật Chứng khoán (Securities Law) (3 TC:3-0-9). Học phần này gồm có 8 nội dung sau: Những vấn đề cơ bản về chứng khoán, thị trường chứng khoán và pháp luật về thị trường chứng khoán: Pháp luật về chào bán chứng khoán; Pháp luật về tổ chức và hoạt động của thị trường giao dịch chứng khoán; Pháp luật về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán; Pháp luật về công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; Pháp luật về quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán và ngân

hàng giám sát; Pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán; Quản lý nhà nước về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Pháp luật về xử lý vi phạm và giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XH94001 – Luật Kinh doanh bảo hiểm (3 TC: 3-0-9): Học phần này gồm có 6 nội dung sau: Những vấn đề lí luận cơ bản về kinh doanh bảo hiểm và pháp luật kinh doanh bảo hiểm; Chủ thể kinh doanh bảo hiểm; Trung gian bảo hiểm; Những vấn đề chung về hợp đồng bảo hiểm và sản phẩm bảo hiểm; Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; Pháp luật về hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ.

TRƯỜNG KHOA



Trần Lê Thanh

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Cường

PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Bảng 1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

STT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m ²)
I	Cấp Học viện		
	Phòng học		
1	Hội trường, phòng họp lớn trên 200 chỗ	3	986
2	Phòng học máy tính	16	1198
3	Phòng học ngoại ngữ	4	351
4	Phòng học đa năng	4	440
5	Phòng học khác	132	39,275
	Phòng chức năng		
6	Thư viện/Trung tâm học liệu.	18	3,955
7	Phòng thực hành và phòng thí nghiệm	293	18,191
8	Xưởng, phòng thực hành	12	1,177
9	Nhà tập đa năng	2	11,200
10	Nhà hiệu bộ (nhà làm việc)	66	3,269
	Diện tích khác		
11	Ký túc xá/ khu nội trú	10	40,948
12	Sân vận động	6	18,100
II	Cấp Khoa		
1	Văn phòng khoa	1	57,53
2	Phòng đọc	1	35,95
3	Bộ môn Xã hội học	1	81,5
4	Bộ môn Kinh tế chính trị - CNXHKKH	1	40,5
5	Bộ môn Triết học	1	39,72
6	Kho 1	1	35,95
7	VP Liên chi Đoàn - Liên chi Hội khoa	1	19,34
8	Kho 2	1	16,62
10	Kho 3	1	18,7
11	Bộ môn Khoa học chính trị	1	79,26
12	Trưởng khoa	1	40,5
13	Phòng truyền thống	1	39,72
14	Hội trường	1	133,7
15	Phòng seminar	1	39,72
16	Phó khoa	1	40,5
17	Bộ môn Pháp luật	1	79,26

Bảng 2. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành: không

TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ môn học /học phần
1
2

PHỤ LỤC 2. SÁCH, GIÁO TRÌNH

TT	Mã-Học phần	Giáo trình/ Bài giảng	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	XH94019-Lý luận chung về NN&PL	Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội.	2023
2	KE91028-Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Bài giảng Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh			2024
		Giáo trình Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp	Lê Thị Kim Oanh và Đào Hồng Vân	NXB Học viện Nông nghiệp	2024
3	XH93027-Xã hội học đại cương	Bài giảng xã hội học đại cương	Bộ môn Xã hội học.	NXB Đại học nông nghiệp Hà Nội	2008
4	KE91063-Thương mại và hội nhập quốc tế	Bài giảng thương mại và hội nhập quốc tế			2024
5	DN91027-Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Bài giảng Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Trần Thị Hà Nghĩa & cộng sự		2024
6	TH91084-Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bài giảng Công nghệ thông tin và chuyển đổi số			2024
		Chuyển đổi số - 5 giai đoạn triển khai công nghệ số cho doanh nghiệp	Lindsay Herbert	NXB Thông tin và Truyền thông	2020

7	NH91046-Nông nghiệp hiện đại	Bài giảng Nông nghiệp hiện đại	Chu Anh Tiệp & cs.		2024
8	TM91012-Sinh thái môi trường	Giáo trình Sinh thái môi trường	Trần Đức Viên & cs.	NXB Học viện NNVN	2024
		Giáo trình Môi trường và con người	Nguyễn Thị Hồng Ngọc và cs.	NXB Học viện NNVN	2024
9	XH94008-Luật Hiến pháp	Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội	2018, 2019.
		Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	NXB Tư Pháp, Hà Nội	2019
10	XH91047-Triết học Mác - Lê Nin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin (Dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội	2021
11	KT92025-Nguyên lý kinh tế	Giáo trình Nguyên lý Kinh tế	Nguyễn Văn Song, Nguyễn Minh Đức, Ngô Minh Hải, Thái Thị Nhung, Nguyễn Thị Huyền Châm, Đoàn Bích Hạnh, Đồng Thanh Mai, Bùi Thị Khánh Hòa	NXB Học viện Nông nghiệp Việt Nam.	2022

12	KE92001-Nguyên lý kế toán	Giáo trình nguyên lý kế toán.	Nguyễn Thị Thủy, Phí Thị Diễm Hồng, Nguyễn Đăng Học, Trần Minh Huệ	NXB Học viện Nông Nghiệp.	2022
		Giáo trình Nguyên lý kế toán.	Nguyễn Hữu Ánh và Phạm Đức Cường	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.	2020
13	XH93077-Chính sách xã hội	Giáo trình chính sách xã hội	Trường đại học lao động xã hội	Nhà xuất bản lao động xã hội	2011
14	XH94009-Luật Hình sự và Tố tụng HS	Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) (Quyển 1),	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
		Giáo trình luật hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm) (Quyển 2),	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
		Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), Tập 1	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội	2016
		Giáo trình luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm), Tập 2	Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội	Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội	2016

15	KT91043-Tổ chức và quản lý kinh tế	Giáo trình Kinh tế hộ nông dân	Đỗ Kim Chung và Lưu Văn Duy	NXB HVNN	2023
		Giáo trình Kinh tế nông nghiệp	Đỗ Kim Chung	NXB HVNN	2021
		Tổ chức công tác khuyến nông	Đỗ Kim Chung	NXB HVNN	2021
		Giáo trình kinh tế nông thôn	Lưu Văn Duy & cs.	NXB HVNN	2022
16	XH91061-Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Giáo trình kinh tế chính trị Mác – Lênin	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2019
17	DN91034-Tiếng Anh 1	<i>TakeAway English 2</i>	Peter Loveday, Melissa Koop, Sally Trowbridge, Lisa Varandani	Mc Graw Hill, New York.	2012
18	KT92104-Nguyên lý thống kê	Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế; 2006	Ngô Thị Thuận, Nguyễn Hữu Ngoan, Phạm Văn Hùng	Nhà xuất bản Nông nghiệp	2006
		Bài giảng Nguyên lý thống kê.	Phạm Văn Hùng, Lê Khắc Bộ, Nguyễn Thị Thu Huyền, Giang Hương, Nguyễn Thị Huyền Trang		2023
19	DN91035-Tiếng Anh 2	TakeAway English 2	Loveday, P., Koop, M.,	Mc Graw Hill, New York.	2012

			Trowbridge, S., Varandani, L.		
20	XH91062-Chủ nghĩa xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Bộ giáo dục và Đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2019
21	XH94078-Luật Hành chính và Tổ tụng HC	Giáo trình Luật Hành chính Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Công an nhân dân, Hà Nội	2019
22	XH94005-Luật Dân sự và Tổ tụng Dân sự	Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 1)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb CAND, Hà Nội	2020
		Giáo trình luật dân sự Việt Nam (tập 2)	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb CAND, Hà Nội	2021
23	XH91075-Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia	2019
24	XH91076-Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo	NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.	2017
25	XH94015-Luật Thương mại	Giáo trình Luật Thương mại 1	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân, HN	2018
26	XH94010-Luật Hôn nhân và gia đình	Giáo trình Luật Hôn nhân và gia đình	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân, HN	2017
27	XH94002-Công pháp quốc tế	Giáo trình luật quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021

28	XH94013-Luật Sở hữu trí tuệ	Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ	Vũ Thị Hải Yến	Nxb Công an nhân dân, Hà Nội	2021
29	XH94007-Luật đầu tư	Giáo trình Luật Đầu tư	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Tư pháp, Hà Nội	2022
30	KT94002-Đấu thầu	Bài giảng về Đấu thầu	Nguyễn Thị Minh Thu		2022
		Nghiệp vụ đấu thầu	TS. Nguyễn Quang Duệ và ThS. Đào Thị Thu Trang	NXB Thông tin và Truyền thông	2018
31	XH94048-Luật Lao động	Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, tập 1	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2020
32	XH94017-Tư pháp quốc tế	Giáo trình tư pháp quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Tư pháp, Hà Nội	2022
33	XH94014-Luật Tài chính	Giáo trình luật ngân sách nhà nước	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB, Công an nhân dân, Hà Nội.	2021
		Giáo trình luật thuế Việt Nam	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB, Công an nhân dân, Hà Nội.	2021
34	XH94006-Luật Đất đai	Giáo trình Luật Đất đai Việt Nam	Viện Đại học Mở Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội.	2016
		Giáo trình Luật Đất đai	Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh	NXB Hồng Đức, TPHCM.	2016

		Bài giảng Luật Đất đai	Vũ Văn Tuấn	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2012
35	XH94012-Luật Môi trường	Bài giảng Luật môi trường	Trịnh Thị Ngọc Anh (Chủ biên)	NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội	2012
		Giáo trình luật môi trường	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội	2017, 2019.
36	XH94003-Luật Cạnh tranh và BV người tiêu dùng	Giáo trình luật cạnh tranh	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2020
37	KT93044-Chính sách công	Giáo trình Chính sách công.	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật. Hà Nội.	2018
		Giáo trình Kinh tế nông nghiệp.	Đỗ Kim Chung	Nhà xuất bản Học viện Nông nghiệp. Hà Nội.	2021
38	XH94029-Công tác xã hội và an sinh xã hội	Công tác xã hội,	Lê Văn Phú	Nhà Xuất bản Đại học quốc gia Hà nội	2004
		Giáo trình nhập môn an sinh xã hội.	Nguyễn Hải Hữu	NXB Đại học lao động xã hội	2018
39	XH94371-Thực tập	Tất cả các giáo trình, tài liệu tham khảo thuộc các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.			

40	XH94018-Pháp luật về GQTC trong KDTM	Bài giảng Pháp luật giải quyết tranh chấp thương mại	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb Công an nhân dân, Hà Nội	2020
41	XH94079-Luật Kinh doanh BĐS	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Trường Đại học Luật Hà Nội	NXB Tư pháp, Hà Nội.	2009
		Thị trường bất động sản	Hoàng Văn Cương (chủ biên)	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội	2017
42	XH94031-Xã hội học chính trị	Đề cương bài giảng Xã hội học Chính trị	Nguyễn Văn Đáng		2008
43	XH94035-Xã hội học phát triển	Phát triển học - Tài liệu hướng dẫn học tập. Khoa Xã hội học – Trường Đại học Mở TP. HCM	Trần Xuân Kiêm		2005
44	XH94028-Cơ sở văn hóa Việt Nam	Đề cương bài giảng Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vũ Hải Hà (chủ biên), Vũ Thị Thu Hà, Tạ Quang Giảng	Nxb Đại học Nông nghiệp	2017
45	XH94492-Khóa luận tốt nghiệp	Giáo trình, bài giảng các môn học đã được giảng dạy và học tập trong 04 năm học. Các tài liệu hướng dẫn của giáo viên. Các báo cáo của ngành, địa phương, của các cơ quan, tổ chức khác về vấn đề nghiên cứu			

		Sách, tạp chí... về vấn đề nghiên cứu			
46	XH94016-Luật Thương mại quốc tế	Giáo trình luật thương mại quốc tế	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2017
47	XH94004-Luật Chứng khoán	Giáo trình Luật Chứng khoán	Trường Đại học Luật Hà Nội	Nxb. CAND, Hà Nội	2021
48	XH94011-Luật Kinh doanh bảo hiểm	Pháp luật kinh doanh bảo hiểm: sách tham khảo	Bùi Thị Hằng Nga	Nxb Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh	2018
		Pháp luật kinh doanh bảo hiểm – Lý luận và thực tiễn	Bùi Thị Hằng Nga, Bạch Thị Nhã Nam	Nxb Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh	2018
		Pháp luật Hợp đồng bảo hiểm con người	Nguyễn Thị Thủy	Nxb Hồng Đức	2017

PHỤ LỤC 3. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Mã-Học phần	Đơn vị phụ trách (Bộ môn, Khoa)	Giảng viên phụ trách			
			Họ tên giảng viên	Năm sinh	Văn bằng cao nhất	Nước tốt nghiệp
1	XH94019-Lý luận chung về NN&PL	Pháp Luật/ KHXH	Đỗ Thị Kim Hương	1984	Thạc sĩ	Việt Nam
2	KE91028-Khởi nghiệp và văn hóa kinh doanh	Khoa Kế toán và QTKD	Phạm Thị Hương Dịu	1978	Tiến sĩ	
3	XH93027-Xã hội học đại cương	Xã hội học/Khoa học xã hội	Phạm Thị Thu Hà	1991	Thạc sĩ	Việt Nam
4	KE91063-Thương mại và hội nhập quốc tế	Khoa Kế toán và QTKD	Trần Thị Thu Hương	1979	Tiến sĩ	
5	DN91027-Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng	Khoa Du lịch và ngoại ngữ	Trần Thị Hà Nghĩa	1975	Thạc sĩ	Việt Nam
6	TH91084-Công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Khoa Công nghệ thông tin	Phạm Quang Dũng	1980	Tiến sĩ	
7	NH91046-Nông nghiệp hiện đại	Nông học	Trần Thị Thiêm	1980	Tiến sĩ	
8	TM91012-Sinh thái và môi trường	Khoa TN và MT	Ngô Thế Ân	1972	Tiến sĩ	
9	XH94008-Luật Hiến pháp	Pháp Luật/ KHXH	Hoàng Kiều Oanh	1995	Thạc sĩ	Việt Nam
10	XH91047-Triết học Mác - Lê Nin	Triết học/Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng	1978	Tiến sĩ	Việt Nam

11	KT92025- Nguyên lý kinh tế	Kinh tế/Kinh tế và PTNT	Nguyễn Thị Huyền Châm	1987	Tiến sĩ	
12	KE92001- Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính/Kế toán và QTKD	Phan Lê Trang		Thạc sĩ	
13	XH93077- Chính sách xã hội	Xã hội học/Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Minh Khuê	1985	Tiến sĩ	Bỉ
14	XH94009- Luật Hình sự và Tổ tụng HS	Pháp Luật/ KHXXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sĩ	Nhật Bản
15	KT91043-Tổ chức và quản lý kinh tế	Khoa Kinh tế	Lưu Văn Duy	1986	Tiến sĩ	Việt Nam
16	XH91061- Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin	Kinh tế chính trị - CNXHKH/Khoa học xã hội	Lê Thị Kim Thanh	1974	Thạc sĩ	Việt Nam
17	DN91034- Tiếng Anh 1	Tiếng Anh cơ bản/Du lịch và Ngoại ngữ	Vũ Khánh Linh	1995	Thạc sỹ	Anh
18	KT92104- Nguyên lý thống kê	BM Phân tích định lượng/Khoa Kinh tế và PTNT	Phạm Văn Hùng	1963	PGS. TS	Việt Nam
19	DN91035- Tiếng Anh 2	Tiếng Anh cơ bản/Du lịch và Ngoại ngữ	Nguyễn Thị Ngọc Thu	1986	Thạc sỹ	Việt Nam
20	XH91062- Chủ nghĩa xã hội khoa học	KTCT - CNXHKH/Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Sơn	1983	Thạc sĩ	Việt Nam
21	XH94078- Luật Hành chính và Tổ tụng HC	Khoa Học Chính Trị/Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh	1968	Tiến sĩ	Việt Nam
22	XH94005- Luật Dân sự và Tổ tụng Dân sự	Pháp luật/Khoa học xã hội	Trịnh Thị Ngọc Anh	1972	Thạc sĩ	Việt Nam

23	XH91075- Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Khoa Học Chính Trị/Khoa học xã hội	Lê Thị Dung	1990	Thạc sỹ	Hàn Quốc
24	XH91076-Tư trưởng Hồ Chí Minh	Khoa học chính trị/Khoa học xã hội	Trần Thị Mai	1976	Thạc sỹ	Việt Nam
25	XH94015- Luật Thương mại	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Ngân	1974	Thạc sỹ	Việt Nam
26	XH94010- Luật Hôn nhân và gia đình	Pháp Luật/ KHXH	Đỗ Thị Kim Hương	1984	Thạc sỹ	Việt Nam
27	XH94002- Công pháp quốc tế	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sỹ	Nhật Bản
28	XH94013- Luật Sở hữu trí tuệ	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Minh Hạnh	1981	Tiến sỹ	Nhật Bản
29	XH94007- Luật đầu tư	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Ngân	1974	Thạc sỹ	Việt Nam
30	KT94002-Đầu thầu	Kế hoạch và đầu tư/ KT và PTNT	Nguyễn Thị Minh Thu		Tiến sỹ	
31	XH94048- Luật Lao động	Triết học/Khoa học xã hội	Nguyễn Đắc Dũng	1978	Tiến sỹ	Việt Nam
32	XH94017-Tư pháp quốc tế	Pháp Luật/ KHXH	Phạm Văn Anh	1990	Thạc sỹ	Mỹ
33	XH94014- Luật Tài chính	Pháp Luật/ KHXH	Lê Thị Yên	1982	Thạc sỹ	Việt Nam
34	XH94006- Luật Đất đai	Pháp Luật/ KHXH	Vũ Văn Tuấn	1973	Tiến sỹ	Việt Nam
35	XH94012- Luật Môi trường	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Lam Thủy	1993	Thạc sỹ	Việt Nam
36	XH94003- Luật Cảnh tranh và BV người tiêu dùng	Pháp luật/Khoa học xã hội	Trịnh Thị Ngọc Anh	1972	Thạc sỹ	Việt Nam

37	KT93044- Chính sách công	Khoa kinh tế và PTNT	Lê Thị Thanh Loan	1985	Tiến sĩ	
38	XH94029- Công tác xã hội và an sinh xã hội	Xã hội học/Khoa học xã hội	Trần Thanh Hương	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
39	XH94371- Thực tập	Pháp Luật/ KHXH	Hoàng Kiều Oanh	1995	Thạc sĩ	Việt Nam
40	XH94018- Pháp luật về GQTC trong KDTM	Pháp Luật/ KHXH	Vũ Văn Tuấn	1973	Tiến sĩ	Việt Nam
41	XH94079- Luật Kinh doanh BDS	Khoa Học Chính Trị/Khoa học xã hội	Trần Lê Thanh	1968	Tiến sĩ	Việt Nam
42	XH94031-Xã hội học chính trị	Xã hội học/Khoa học xã hội	Trần Thanh Hương	1986	Thạc sĩ	Việt Nam
43	XH94035-Xã hội học phát triển	Xã hội học/Khoa học xã hội	Nguyễn Thị Diễm	1973	PGS, Tiến sĩ	Bỉ
44	XH94028-Cơ sở văn hóa Việt Nam	Khoa học chính trị/Khoa học xã hội	Vũ Hải Hà	1982	Thạc sỹ	Việt Nam
45	XH94492- Khóa luận tốt nghệ	Pháp Luật/ KHXH	Nguyễn Thị Lam Thủy	1993	Thạc sỹ	Việt Nam
46	XH94016- Luật Thương mại quốc tế	Pháp Luật/ KHXH	Phạm Vân Anh	1990	Thạc sỹ	Mỹ
47	XH94004- Luật Chứng khoán	Pháp Luật/ KHXH	Lê Thị Yên	1982	Thạc sỹ	Việt Nam
48	XH94011- Luật Kinh doanh bảo hiểm	Pháp Luật/ KHXH	Hoàng Kiều Oanh	1995	Thạc sĩ	Việt Nam

PHỤ LỤC 4: MA TRẬN GIỮA MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT NGÀNH LUẬT

Kí hiệu	Mục tiêu CTĐT	Kiến thức chung	Kiến thức chuyên môn		Kỹ năng chung		Kỹ năng chuyên môn			Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8	CDR9	CDR10
MT1	Có hiểu biết cơ bản về chính trị, kinh tế, văn hóa-xã hội làm nền tảng cho nghiên cứu và áp dụng pháp luật; có kiến thức cơ sở về Nhà nước và pháp luật, kiến thức chuyên sâu về luật kinh tế để áp dụng giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong thực tiễn;	x	x	x							
MT2	Có kỹ năng tư duy pháp lý và kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể vận dụng giải quyết các vấn đề chuyên môn trong môi trường nghề nghiệp thuộc lĩnh vực pháp lý như giảng dạy, nghiên cứu, tư vấn hoặc bảo vệ pháp luật				x	x	x	x	x		
MT3	Có phẩm chất chính trị, đạo đức; có tâm huyết với nghề nghiệp, xây dựng và bảo vệ pháp luật Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế; có khả năng làm việc độc lập, tự chủ và sáng tạo; có ý thức phục vụ nhân dân, phục vụ cộng đồng và phụng sự Tổ quốc									x	x

PHỤ LỤC 5
ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH XÃ HỘI HỌC VỚI CÁC CHƯƠNG
TRÌNH THAM KHẢO TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

TT	CĐR ngành Luật	CĐR các chương trình tham khảo		
		Tên CTĐT: Luật Trường Đại học Luật Hà Nội Link: https://tuyensinh.hlu.edu.vn/tsnews/details/22057	Tên CTĐT: Luật Trường Đại học Luân Đôn Link: https://www.london.ac.uk/study/courses/undergraduate/lb-bachelor-laws#course-overview	Tên CTĐT: Luật Trường đại học: Victoria University Link: https://www.vu.edu.au/courses/bachelor-of-laws-blaw/international
1	Kiến thức			
	Kiến thức chung			
CĐR 1	Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật.	Có kiến thức của các ngành khoa học về chính trị, kinh tế, văn hóa, lịch sử, tâm lý, quản lý, công nghệ thông tin, ngoại ngữ là nền tảng cho việc tiếp nhận tri thức về nhà nước và pháp luật		
	Kiến thức chuyên môn			
CĐR 2	Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản để phục vụ hoạt động nghề nghiệp.	Kiến thức chuyên sâu lý luận và thực tiễn về nhà nước và pháp luật nói chung, kiến thức về pháp luật và thực tiễn pháp lý Việt Nam hiện hành thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản đủ cho phép sinh viên có đủ khả năng áp dụng pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý phát sinh trong đời sống xã hội; kiến thức pháp luật quốc tế, về pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa	Students will have knowledge and understanding of: <ul style="list-style-type: none"> • the principal features of the legal system including familiarity with its institutions and procedures; • the key principles and values of a range of legal areas extending beyond the core; 	Integrate conceptual understandings of the Australian legal system, fundamental areas of legal knowledge and relevant advanced specialist bodies of knowledge within the discipline of law; Critically review, analyse, adapt and apply broad and coherent theoretical and technical knowledge of law and

		Việt Nam với các quốc gia khác, với các tổ chức quốc tế và với các chủ thể khác của pháp luật quốc tế.	<ul style="list-style-type: none"> • identify the legal issues arising from particular factual situations; • apply knowledge so as to provide practical and reasoned advice and solutions to particular problems over a wide range of legal areas. 	underlying principles and concepts in diverse contemporary local and international and comparative contexts;
CDR 3	Đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế.	Kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật kinh tế (chuyên ngành luật kinh tế)	Students will have knowledge and understanding of: <ul style="list-style-type: none"> • some in-depth knowledge of specialist areas. 	
2	Kỹ năng			
	Kỹ năng chung			
CDR 4	Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực luật	Kỹ năng giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp, cá nhân, đơn vị, tổ chức khác; kỹ năng sử dụng ngoại ngữ thông dụng; kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin ở mức cơ bản	Students will be able to: <ul style="list-style-type: none"> • communicate fluently in English, using legal terminology correctly; • demonstrate proficient use of information technology; • use standard information retrieval systems to access legal information and internet resources. 	
CDR 5	Phối hợp tư duy phản biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào các lĩnh vực chuyên biệt của ngành luật	Kỹ năng trình bày và bảo vệ quan điểm của mình; kỹ năng làm việc nhóm với cương vị là trưởng nhóm hay thành viên		Apply personal and interpersonal competencies including organisational and collaborative skills necessary to operate within broad parameters in the immensely divergent and complex global and Australian cultures;
	Kỹ năng chuyên môn			

CDR 6	Thực hiện thành thạo kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý	Kỹ năng tìm kiếm, phân tích và đánh giá các văn bản pháp luật có liên quan đến công việc của mình; kỹ năng phân tích các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực pháp luật và đưa ra được các giải pháp chuyên môn để giải quyết các tình huống đó.	Students will be able to: <ul style="list-style-type: none"> • identify and use primary and secondary legal sources relevant to the topic under study; • identify contemporary debates and engage with these whilst accurately documenting the law in the area. 	Identify, articulate and respond to legal issues by critically analysing and applying information with initiative and judgement in order to both anticipate and creatively solve problems and promote justice in authentic/contemporary professional, community and global settings;
CDR 7	Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của pháp luật trong mối liên hệ giữa pháp luật và thực tiễn	Kỹ năng phát hiện và giải quyết các vấn đề tương đối phức tạp thuộc lĩnh vực khoa học pháp lý	Students will be able to: <ul style="list-style-type: none"> • identify issues in terms of policy and doctrinal importance; • produce clear doctrinal synthesis and summary of policy issues; • evaluate law both independently in terms of doctrinal coherence and in relation to other policy perspectives which have been incorporated in the topics studied; • create new or imaginative ways of approaching a problem or analysing material in different ways. 	Exhibit professional accountabilities and ethical judgement, by evaluating, synthesising and adapting knowledge, skills legal reasoning and research to make appropriate responses to legal issues that reflect the social, political and contextual factors;
CDR 8	Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản liên quan trong lĩnh vực pháp lý	Kỹ năng soạn thảo các văn bản có tính pháp lý phục vụ cho các công việc thuộc mọi lĩnh vực liên quan đến công việc được giao	Students will be able to: <ul style="list-style-type: none"> • read a range of complex works within and about law and summarise arguments accurately; 	Communicate a clear, coherent and independent exposition of knowledge and skills appropriate for legal and non-legal

			<ul style="list-style-type: none"> • engage in academic debate in a professional manner. 	audiences, in both oral and written form;
3	Năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm			
CDR 9	Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp	Tự tin và hào hứng tiếp nhận kiến thức mới, sẵn sàng cống hiến trí lực phục vụ đất nước	Students will be able to: <ul style="list-style-type: none"> • act independently in planning and managing their own learning and the tasks in areas which students have studied; • provide some reflection on learning experiences. 	Reflect on personal learning and skills in relation to career goals and implement effective, creative strategies to promote lifelong learning and pathways to further learning including a commitment to ongoing professional development;
CDR 10	Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ luật pháp	Trung thành với Tổ quốc, tuân thủ pháp luật, chấp hành các chính sách của Nhà nước, trung thực, thẳng thắn, cầu thị, ủng hộ đổi mới, bảo vệ công lý; tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề luật; tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng.		Contribute effectively, with personal accountability for outcomes in a dynamic 21st century work team, working in an ethical and socially responsible manner.

PHỤ LỤC 6
MA TRẬN VỀ SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VỚI CHUẨN ĐẦU RA VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG,
NĂNG LỰC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

TT	Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	CĐR1: Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên, kinh tế - chính trị - xã hội, pháp luật, sinh thái, môi trường và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong lĩnh vực luật			CĐR2: Phân tích hệ thống quy phạm pháp luật thuộc các lĩnh vực pháp luật cơ bản để phục vụ hoạt động nghề nghiệp.		CĐR3: Đề xuất giải pháp đối với các vấn đề pháp lý thực tiễn dựa trên kiến thức chuyên sâu về pháp luật kinh tế.	CĐR4: Giao tiếp đa phương tiện, đa văn hóa, sử dụng hiệu quả công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong lĩnh vực luật		CĐR5: Phối hợp tư duy phân biện, kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm vào các lĩnh vực chuyên biệt của ngành luật		CĐR6. Thực hiện thành thạo kỹ năng giải quyết vấn đề pháp lý		CĐR7: Đánh giá tính hợp pháp, hợp lý của pháp luật trong mối liên hệ giữa pháp luật và thực tiễn		CĐR8: Thực hiện thành thạo kỹ năng đàm phán, soạn thảo các văn bản liên quan trong lĩnh vực pháp lý.		CĐR9: Thể hiện ý thức học tập suốt đời và tinh thần khởi nghiệp.		CĐR10. Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, thể hiện trách nhiệm xã hội và tuân thủ luật pháp	
				1.1	1.2.	1.3	2.1	2.2.	3.2	4.1..	4.3	5.1.	5.2.	6.1.	6.2.	7.1.	7.2	8.1.	8.2.	9.1.	9.2.	10.1.	10.2.
1	1	XH94019	Lý luận chung về NN&PL				I	I				P										I	I
2	1	KE91028	Khởi nghiệp và văn hóa		P	P							P									I	M

			kinh doanh																	
3	1	XH93027	Xã hội học đại cương			I													I	
4	1	KE91063	Thương mại và hội nhập quốc tế		P	P				P									I	
5	1	DN91027	Tâm lý học và giao tiếp cộng đồng			P				P									I	
6	2	TH91084	Công nghệ thông tin và chuyển đổi số		I		P			I	I								I	
7	2	NH91046	Nông nghiệp hiện đại		I	I	P												I	
8	2	TM91012	Sinh thái môi trường		P	I	I												I	
9	2	XH94008	Luật Hiến pháp		P			P											P	P

10	2	XH91047	Triết học Mác - Lê Nin		I					I									I			
11	3	KT92025	Nguyên lý kinh tế			I				I		I	I								I	
12	3	KE92001	Nguyên lý kế toán							I											I	
13	3	XH93077	Chính sách xã hội										I		I							P
14	3	XH94009	Luật Hình sự và Tố tụng HS	R				R					P		P							
15	3	KT91043	Tổ chức và quản lý kinh tế		I	I														I	M	
16	2	XH91061	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin		P	I														I		
17	3	DN91034	Tiếng Anh 1					I		P	I								I	I		
18	4	KT92104	Nguyên lý thống kê kinh tế		P								I	P								

19	4	DN91035	Tiếng Anh 2					P		P	P							I	I				
20	4	XH91062	Chủ nghĩa xã hội khoa học		R															I			
21	4	XH94078	Luật Hành chính và Tổ tụng HC	R			R						P					P					
22	4	XH94005	Luật Dân sự và Tổ tụng Dân sự		P		R		P				P						P			M	
23	5	XH91075	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		M																I		
24	5	XH91076	Tư tưởng Hồ Chí Minh		R																I		
25	5	XH94015	Luật Thương mại		R			P	P	P					R							M	

26	5	XH94010	Luật Hôn nhân và gia đình				M							R	P					R	P	
27	5	XH94002	Công pháp quốc tế					R		R	R					P		P				M
28	5	XH94013	Luật Sở hữu trí tuệ	R		P							P			I						
29	5	XH94007	Luật đầu tư			R						P		R				P			M	
30	5	KT94002	Đấu thầu và đấu giá			R				R												R
31	6	XH94048	Luật Lao động							M	R					R	R					
32	6	XH94017	Tư pháp quốc tế					R		R	R					P		R				P
33	6	XH94014	Luật Tài chính		R					R				P								R
34	6	XH94006	Luật Đất đai	M											M			R				R
35	6	XH94012	Luật Môi trường	M			M											R	R			R
36	6	XH94003	Luật Cảnh tranh và BV							R				R	R							R

			người tiêu dùng																		
37	6	KT93044	Chính sách công			R				R	P			P							
38	6	XH94029	Công tác xã hội và an sinh xã hội			R							R	P	R	P					
39	7	XH94371	Thực tập						M		M							M			
40	7	XH94018	Pháp luật về GQTC trong KDTM																	M	M
41	7	XH94079	Luật Kinh doanh BĐS																		R
42	7	XH94031	Xã hội học chính trị			R				P											R
43	7	XH94035	Xã hội học phát triển																		R
44	7	XH94028	Cơ sở văn hóa			R				R										R	R

			Việt Nam																			
45	8	XH94492	Khóa luận tốt nghiệp			M	M			M					M	M			M			
46	8	XH94016	Luật Thương mại quốc tế (thi tốt nghiệp thay thế)				M	M	M	M						M					M	
47	8	XH94004	Luật Chứng khoán (thi tốt nghiệp thay thế)		M											M			M			M
48	8	XH94011	Luật Kinh doanh bảo hiểm (thi tốt nghiệp thay thế)		M							M		M							M	

PHỤ LỤC 7: LỘ TRÌNH HỌC TẬP NGÀNH XÃ HỘI HỌC

HK 1 (17TC)	HK 2 (15TC)	HK 3 (16 TC)	HK 4(16TC)	HK 5 (20 TC)	HK 6(19 TC)	HK 7(18 TC)	HK 8 (10TC)
PLDC (4TC)	CNTT và chuyển đổi số (4TC)	Nguyên lý kinh tế (3 TC)	Nguyên lý thống kê (3 TC)	Lịch sử ĐCSVN (2 TC)	XHH chính trị (3 TC)	Công tác XH và an sinh XH (3 TC)	Khóa luận tốt nghiệp (10 TC) (Theo quy định của HV)
Khởi nghiệp và VHGD (4TC)	Nông nghiệp hiện đại (4 TC)	Marketing căn bản (3TC)	PPNC XHH (5 TC)	Tư tưởng HCM (2 TC)	XHH phát triển (3 TC)	XHH giáo dục (3TC)	
XHH ĐC (3TC)	Sinh thái và MT (4 TC)	Chính sách XH (3TC)	XHH quản lý (3 TC)	XHH nông thôn (4 TC)	Thực tập nghề nghiệp (10 TC)	XHH giới và GD (3TC)	
TLH và giao tiếp CĐ (3TC)	Lịch sử và lý thuyết XHH (4TC)	Tổ chức và QLKT (3TC)	Chu nghĩa XHKH (2 TC)	XHH đô thị (3 TC)	Quản trị doanh nghiệp (3 TC)	XHH kinh tế (3 TC)	
TM và Hội nhập QT (3 TC)	Triết học Mác - Lênin (3 TC)	KTCT Mác Lênin (2TC)	Tiếng anh 2 (3TC)	XHH văn hóa (3 TC)	Chính sách công (3 TC)	XHH tôn giáo và đạo đức học (3 TC)	
		Tiếng anh 1 (2 TC)		Công cụ thu thập TT định tính (3 TC)	XHH dân số và môi trường (3 TC)	Cơ sở văn hoá VN (3 TC)	
				NL QHCC và tham vấn (3 TC)		Quản lý dự án (3 TC)	
				Kinh tế nông thôn (3 TC)			

- Đại cương
- Cơ sở ngành
- Chuyên ngành